

BÀI 26 : OXIT

26.1. Dãy gồm các chất thuộc loại oxit axit là :

- A. CO_2 , SO_2 , Na_2O , SO_3 , NO_2 . B. CaO , CO_2 , SO_2 , P_2O_5 .
C. CO_2 , SO_2 , SO_3 , P_2O_5 , NO_2 . D. NO_2 , P_2O_5 , Fe_2O_3 , CaO .

26.2. Dãy gồm các chất thuộc loại oxit bazơ là :

- A. FeO , CaO , CO_2 , NO_2 . B. CaO , K_2O , MgO , Fe_2O_3 .
C. CaO , NO_2 , P_2O_5 , MgO . D. CuO , Mn_2O_3 , CO_2 , SO_3 .

26.3. Có một số công thức hoá học được viết như sau :

KO , Al_2O_3 , FeO , CaO , Zn_2O , MgO , Mg_2O , N_2O , PO , SO , S_2O .

Hãy chỉ ra những công thức oxit viết sai.

26.4. Hãy viết tên và công thức hoá học của 4 oxit axit và 4 oxit bazơ.

26.5. Hãy viết các phương trình hoá học điều chế 3 oxit.

26.6. Lập công thức các bazơ ứng với các oxit sau đây :

CuO , FeO , Na_2O , BaO , Fe_2O_3 , MgO .

26.7. Viết phương trình hoá học biểu diễn những chuyển hoá sau :

- a) Natri \rightarrow natri oxit \rightarrow natri hiđroxít.
b) Cacbon \rightarrow cacbon đioxit \rightarrow axit cacbonic (H_2CO_3).

26.8. Khu mỏ sắt ở Trại Cau (Thái Nguyên) có một loại quặng sắt (thành phần chính là Fe_2O_3). Khi phân tích một mẫu quặng này, người ta nhận thấy có 2,8 g sắt. Trong mẫu quặng trên, khối lượng sắt(III) oxit Fe_2O_3 ứng với hàm lượng sắt nói trên là

- A. 6 g. B. 8 g.
C. 4 g. D. 3 g.

26.9. Tỉ lệ khối lượng của nitơ và oxi trong một oxit của nitơ là 7 : 20. Công thức của oxit là

- A. N_2O . B. N_2O_3 .
C. NO_2 . D. N_2O_5 .

26.10. Cho 28,4 g điphotpho pentaoxit P_2O_5 vào cốc chứa 90 g H_2O để tạo thành axit photphoric H_3PO_4 . Khối lượng axit H_3PO_4 tạo thành là

- A. 19,6 g. B. 58,8 g.
C. 39,2 g. D. 40 g.

26.11. Một oxit tạo thành bởi mangan và oxi, trong đó tỉ lệ khối lượng giữa mangan và oxi là 55 : 24. Hãy xác định công thức phân tử của oxit.